TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/DS - PT
Ngày: 02 - 3 - 2020
V/v tranh chấp
quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Văn Khánh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 02 và 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngô Thy P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 19/02/2020)

- *Bị đơn*:

1. Ông Võ Thành C, sinh năm 1979;

2. Bà Ngô Thị Cẩm H1, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An

- *Người đại diện hợp pháp của ông C*: Bà Ngô Thị Cẩm H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970;

2. Bà Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1970;

3. Ông Võ Phước L, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An

5. Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện C

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp: Ông Nguyễn Ngọc A – Giám đốc.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngô Thy P – Nguyên đơn.

(Ông H, bà H1, bà H2 có mặt Ông Võ Phước L và Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Ngô Thy P do ông Nguyễn Văn H đại diện trình bày:

Vào ngày 17/10/2017 Nguyễn Ngô Thy P có ký hợp đồng mua bán nhà và đất với vợ chồng ông Võ Thành C - bà Ngô Thị Cẩm H1. Nhà đất nằm trên trục lộ đường 830 thuộc thửa đất 4460, diện tích đất là 13m^2, tài sản trên đất là ngôi nhà 01 trệt, 01 lầu. Nội dung thỏa thuận: Phần tài sản chuyển nhượng gồm phần đất và nhà ở sau khi giải tỏa, căn cứ theo Bảng chiết tính ngày 30/8/2017 (có thỏa thuận trong hợp đồng mua bán) ngoài phần đất nhà nước thu hồi 22m^2 (được đền bù 15.400.000 đồng) và nhà ở không được đền bù do có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ông C và bà H1 ký hợp đồng mua bán nhà và đất vào ngày 17/10/2017 với chị P phần nhà và đất còn lại và giao cho chị P tháo dỡ khi công trình làm đến.

Vào ngày 08/10/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An mới ra chủ trương đền bù 80% cho nhà bị vi phạm và mời ông C nhận số tiền 264.036.971 đồng trên diện tích nhà 53,9m^2. Như vậy ông C đã nhận tiền quá hơn 44m^2 là 9,9m^2 tương đương với số tiền là 50.825.827 đồng. Sau đó ông C và bà H1 âm thầm làm đơn xin hỗ trợ hết nhà, đến ngày 26/12/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An có điều chỉnh diện tích nhà bị ảnh hưởng trên 40% theo quyết định 1951 là đền bù phần còn lại trên ngôi nhà mà P đã làm chủ sở hữu từ ngày 17/10/2017 là 108.739.680 đồng.

Như vậy căn cứ theo hợp đồng mua bán ngày 17/10/2017 ông C và bà H1 đã vi phạm cụ thể:

Thời gian ra bảng chiết tính là ngày 30/8/2017 không có hỗ trợ đền bù nhà do vi phạm.

Thời gian ký hợp đồng mua bán nhà đất là ngày17/10/2017.

Thời gian ông C và bà H1 nhận tiền hỗ trợ đền bù theo bảng chiết tính là ngày 15/10/2018.

Thời gian có hỗ trợ đền bù phần nhà bị ảnh hưởng trên 40% là ngày 26/12/2018 (Sau thời gian ký hợp đồng mua bán 423 ngày – phần hỗ trợ này đang tranh chấp và chờ giải quyết).

Nay ông đại diện cho P yêu cầu ông C và bà H1 hoàn lại số tiền đã nhận vào ngày 08/10/2018 là 50.825.827 đồng (số tiền đã nhận hơn so với diện tích đất sau khi bán còn lại) và 108.739.680 đồng. Tổng cộng là 159.565.507 đồng.

Bị đơn bà Ngô Thị Cẩm H1, ông Võ Thành C do bà H1 đại diện trình bày:

Bà đại diện cho chồng bà là ông Võ Thành C cũng như bản thân bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngô Thy P. Vì vào ngày 17/10/2017, vợ chồng bà có bán cho bà Nguyễn Ngô Thy P nhà và đất có diện tích 13m^2, thuộc thửa đất số 4460, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, do chồng bà là ông Võ Thành C đứng tên chủ sử dụng. Đây là phần đất còn lại của thửa 4460, sau khi bị thu hồi một phần để làm đường 830. Trước khi bị thu hồi một phần thì thửa 4460 có diện tích 35m^2. Khoảng năm 2016 – 2017, trước khi bà chuyển nhượng nhà đất cho bà P thì gia đình bà đã bị thu hồi hết diện tích 22m^2 thuộc 01 phần thửa 4460. Đồng thời, bà cũng đã có bảng chiết tính đền bù giá trị 22m^2 đất là 15.400.000 đồng và một số công trình trên đất, tổng giá trị được nhận đền bù là 17.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng cho bà P thì vợ chồng bà được biết Nhà nước có chủ trương bồi thường hỗ trợ 80% giá trị tài sản bị ảnh hưởng do bị thu hồi đất, nên vợ chồng bà được đền bù số tiền 264.036.971 đồng. Sau đó, được điều chỉnh bổ sung tăng thêm 108.739.680 đồng nữa, số tiền này chưa được nhận thì bà P khởi kiện đến nay. Nay bà P yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 159.565.507 đồng, bà không đồng ý, vì thời điểm bà P nhận chuyển nhượng nhà đất thì nhà đất của vợ chồng bà đã bị thu hồi 22m^2 đất, trong khi đó vợ chồng bà chỉ bán cho bà P 13m^2 đất và nhà sau khi thu hồi còn lại, nên việc vợ chồng bà được nhận tiền đền bù, tiền hỗ trợ không liên quan đến bà P. Ngày 27/6/2019, ông C có đơn khởi kiện yêu cầu bà P trả lại giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 5m^2 (phần diện tích ông C đã giao dư cho bà P) thuộc một phần thửa đất số 4460, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An nhưng ông C đã làm đơn rút đơn yêu cầu đối với yêu cầu trên, ông C không yêu cầu bà P trả lại phần giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5m^2 trên nữa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Vợ chồng bà Ngô Thị Thu H2 – ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông bà là cha mẹ của Nguyễn Ngô Thy P. Thửa đất số 4460 là tài sản riêng của Nguyễn Ngô Thy P có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng từ ông C và bà H1 vào tháng 10 năm 2017, ông bà có ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng với tư cách người làm chứng. Việc bà H2 đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 4460 là do P nhờ đứng tên giùm. Nay P tranh chấp với ông C và

bà H1 thì vợ chồng ông bà không có ý kiến gì. Do bận công việc nên ông bà bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cho đến khi kết thúc vụ án.

- Ông Võ Phước L trình bày:

Ông là chồng của Nguyễn Ngô Thy P. Ông và P chỉ mới đăng ký kết hôn năm 2019 sau thời điểm P nhận chuyển nhượng thửa đất 4460 nên ông thống nhất đây là tài sản riêng của P. Nay P tranh chấp với ông C, bà H1 thì ông không có ý kiến gì, ông thống nhất với mọi lời trình bày của P. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cho đến khi kết thúc vụ án.

Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện C: Có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày như sau:

Theo hồ sơ bồi thường, hỗ trợ ông Võ Thành C có đất bị thu hồi thuộc công trình đường tỉnh 830 (đoạn từ Quốc lộ 50 đến Cảng Long An) qua địa bàn xã T với diện tích là 22m^2 thuộc thửa 4460, tờ bản đồ số 4, loại đất thổ, hiện trạng có nhà ở. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt thì tổng cộng số tiền hổ trợ là 389.876.651 đồng (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 15.400.000 đồng, giá trị tài sản gắn liền với đất là 374.476.651 đồng). Ngày 02/11/2018, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đã chi trả tiền hổ trợ cho ông Võ Thành C với số tiền là: 281.136.971 đồng (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 15.400.000 đồng, giá trị tài sản gắn liền với đất là 265.736.971 đồng). Còn lại số tiền 108.739.680 đồng, do có phát sinh tranh chấp với bà Nguyễn Ngô Thy P nên Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chưa chi trả cho ông C, sau khi có quyết định giải quyết tranh chấp của cơ quan có thẩm quyền thì ban quản lý dự án sẽ chi trả theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành C

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngô Thy P do ông Huỳnh Quốc H3 đại diện.

Vợ chồng bà Ngô Thị Cẩm H1 – ông Võ Thành C được liên hệ với Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện C để được nhận số tiền bồi thường hổ trợ là 108.739.680 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/11/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Ngô Thy P kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà P đã nhận nhà và sử dụng, hợp đồng mua bán nhà đất đã thực hiện xong. Bà P cho rằng ông C được hỗ trợ vượt quá 9,9m^2 nhà ở nhưng ông C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P nhiều hơn 5m^2 nên số tiền hỗ trợ này ông C được hưởng là phù hợp; đối với số tiền 108 triệu đồng mà Ủy ban nhân dân huyện C hỗ trợ bổ sung cho ông C nhưng chưa được nhận. Theo hợp đồng mua bán không có thỏa thuận về việc nhận tiền bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phước L và Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà P với ông C, bà H1 tranh chấp số tiền được hỗ trợ bồi thường giá trị tài sản trên đất bị thu hồi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp đòi tài sản" là không chính xác. Đây là "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản" nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

[3] Tại "Hợp đồng mua bán nhà và đất" ngày 17/10/2017 có nội dung: Ông Võ Thành C chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngô Thy P phần đất còn lại khoảng 13m^2, thuộc thửa 4460, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT và nhà còn lại sau khi giải tỏa với giá 300.000.000 đồng.

Đến ngày 17/11/2017 bà P đã giao đủ tiền và nhận nhà đất. Thửa đất trên ông C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2006 với tổng diện tích 35m^2.

[4] Tại Thông báo thu hồi đất số 708/TB-UBND ngày 15/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi đất của ông Võ Thành C với diện tích đất dự kiến thu hồi là 18,1m^2, thuộc thửa 4460, tờ bản đồ số 4, để thực hiện công trình đường ĐT 830 (đoạn từ Quốc lộ 50 đến cảng Long An) và Thông báo số 3101/UBND-TNMT ngày 07/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh Thông báo số 708/TB-UBND ngày 15/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C từ dự kiến diện tích đất của ông Võ Thành C là 18,1m^2 nay điều chỉnh lại thành 22m^2.

Tại quyết định số 14026/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của của Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi 22m^2 đất của ông (Bà) Nguyễn Thành C. Lý do thu hồi đất để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình đường ĐT 830.

[5] Bà P do ông H đại diện cho rằng, vào ngày 08/10/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An mới ra chủ trương đền bù 80% cho nhà bị vi phạm và ông C nhận số tiền 264.036.971 đồng trên diện tích nhà 53,9m^2. Như vậy, ông C nhận tiền vượt quá 44m^2 là 9,9m^2 tương đương với số tiền là 50.825.827 đồng. Sau đó ông C và bà H1 làm đơn xin hỗ trợ hết nhà, đến ngày 26/12/2018 Ủy ban nhân dân huyện C có điều chỉnh diện tích nhà bị ảnh hưởng trên 40%, là đền bù phần còn lại của ngôi nhà mà bà P đã làm chủ sở hữu từ ngày 17/10/2017 với số tiền 108.739.680 đồng. Bà P yêu cầu ông C và bà H1 hoàn lại số tiền đã nhận 50.825.827 đồng và số tiền 108.739.680 đồng. Tổng cộng là 159.565.507 đồng. Thấy rằng:

[6] Đối với số tiền 50.825.827 đồng

Tại quyết định số 14496/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của của Ủy ban nhân dân huyện C về việc hỗ trợ thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho hộ ông (bà) Võ Thành C 17.100.000 đồng gồm giá trị quyền sử dụng đất 15.400.000 đồng và giá trị tài sản trên đất 1.700.000 đồng là không tính giá trị bồi thường tầng trệt và tầng 1 do có quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đến quyết định số 6667/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bổ sung hỗ trợ giá trị tài sản trên đất cho hộ ông (bà) Võ Thành C 264.036.971 đồng. Lý do: Hỗ trợ giá trị tài sản bị xử phạt theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An tại Công văn số 4791/UBND-KT ngày 08/10/2018. Đây là bổ sung hỗ trợ giá trị tài sản trên đất gồm tầng trệt, tầng 1 và vật kiến trúc bị giải tỏa theo bảng kê chi tiết (bổ sung) ngày 15/10/2018. Tuy diện tích đất bị thu hồi là 22m^2 nhưng diện tích tầng trệt, tầng 1 được hỗ trợ là 53,9m^2 (là do bồi thường đến trụ chịu lực nên diện tích nhà được hỗ trợ bồi thường có lớn hơn diện tích đất bị thu hồi nhưng khi giải tỏa thì nhà ở chỉ bị tháo dỡ đúng theo diện tích đất bị thu hồi). Bà P cho rằng ông C đã nhận tiền quá hơn 44m^2 là 9,9m^2 tương đương với số tiền là 50.825.827 đồng phải trả lại cho bà là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với số tiền 108.739.680 đồng

Tại quyết định số 16212/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bổ sung hỗ trợ giá trị tài sản trên đất cho hộ ông (bà) Võ Thành C 372.776.651 đồng. Lý do: Hỗ trợ giá trị tài sản bị xử phạt theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An tại Công văn số 4791/UBND-KT ngày 08/10/2018 và điều chỉnh diện tích nhà do ảnh hưởng trên 40%.

Theo bảng kê chi tiết (bổ sung) ngày 26/12/2018 thay thế bảng kê chi tiết ngày 15/10/2018 số tiền có tăng 108.739.680 đồng là do được bổ sung hỗ trợ giá trị toàn bộ diện tích tầng trệt, tầng 1 là 81,20m^2.

Tại "Hợp đồng mua bán nhà và đất" ngày 17/10/2017, bà P chỉ mua phần giá trị đất và giá trị nhà còn lại sau khi giải tỏa là 300.000.000 đồng, hoàn toàn không có thỏa thuận gì về việc nhận tiền bồi thường hay hỗ trợ của Nhà nước từ sau khi mua nhà ở. Hơn nữa, người bị thu hồi đất, giải tỏa một phần nhà và bị thiệt hại về tài sản nhà ở trên

đất bị thu hồi là ông (bà) Võ Thành C, bà P không có bị thiệt hại gì. Việc hỗ trợ thiệt hại phát sinh do hộ ông (bà) Võ Thành C bị thu hồi đất và giải tỏa nhà và Ủy ban nhân dân huyện C hỗ trợ thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho hộ ông (bà) Võ Thành C là đúng. Mặt khác, "Hợp đồng mua bán nhà và đất" ngày 17/10/2017 không có công chứng hoặc chứng thực; đến ngày 22/01/2019 bà Ngô Thị Thu H2 (do bà P đồng ý để bà H2 đứng tên giùm) mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 13m^2 còn lại mà ông C chuyển quyền cho bà P. Như vậy, cho đến khi có quyết định số 16212/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bổ sung hỗ trợ giá trị tài sản trên đất cho hộ ông (bà) Võ Thành C 372.776.651 đồng, xét về mặt pháp lý thì nhà vẫn chưa thuộc quyền sở hữu của bà P và đất nhận chuyển nhượng bà P cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[8] Do đó, Bà P cho rằng số tiền 108.739.680 đồng là đền bù phần còn lại trên ngôi nhà mà chị P đã làm chủ sở hữu từ ngày 17/10/2017 và yêu cầu ông C và bà H1 hoàn lại số tiền này là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ theo quy định tại Điều 221 Bộ luật dân sự 2015, Điều 122 Luật Nhà ở năm 2014.

[10] Kháng cáo của bà P yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà là không có cơ sở chấp nhận.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà P là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà P kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngô Thuy P;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành C yêu cầu bà Nguyễn Ngô Thy P trả lại giá trị quyền sử dụng đất có diện tích 5m^2.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngô Thy P yêu cầu ông Võ Thành C và bà Ngô Thị Cẩm H1 hoàn lại số tiền đã nhận 50.825.827 đồng và số tiền 108.739.680 đồng, tổng cộng là 159.565.507 đồng.

Bà Ngô Thị Cẩm H1 và ông Võ Thành C được liên hệ với Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện C để được nhận số tiền bồi thường hỗ trợ là 108.739.680 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngô Thy P phải chịu 7.978.275 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 3.991.000 đồng theo Phiếu thu số 0003335 ngày 13/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc để thi hành án phí. Bà Nguyễn Ngô Thy P còn phải chịu 3.987.275 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Thành C số tiền là 2.500.000 đồng, theo Phiếu thu số 0003504 ngày 27/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Ngô Thy P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng theo Phiếu thu số 0001684 ngày 25/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc để thi hành án phí.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu